

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7- 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thọ
2. Ông Trần Đình Khoa

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1979 (có mặt);
Hộ khẩu thường trú: Số 2791B, tổ 5, khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Số 32 Nguyễn Thị Định, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Quang M, sinh năm 1978 (vắng mặt);
Địa chỉ: Số 06 Hà Huy Tập, khu phố 2, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Quang M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn và được Ủy ban

nhân dân phường P, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 122 quyền số 01-2004 ngày 30-12-2004.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông M thường xuyên rượu chè, không tu chí làm ăn. Mỗi lần nhậu say ông M lại la mắng, đánh đập vợ con. Bà và ông M đã sống ly thân từ tháng 10-2019 cho đến nay. Cả hai không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

- Về con chung: Bà T và ông M có hai người con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 25-8-2005 và cháu Nguyễn Thị Anh N, sinh ngày 25-10-2009. Theo nguyện vọng của hai con, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến đủ 18 tuổi. Bà T tự nguyện không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Quang M: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia làm việc và tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông M vẫn vắng mặt không có lý do.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

- Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là đúng quy định tại các Điều 97, Điều 208- 211 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng. Bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

-Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với

ông Nguyễn Quang M và giải quyết vấn đề về con chung giữa bà và ông M. Đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và việc Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Quang M mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông M vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án trên theo quy định.

-Về nội dung giải quyết:

[2] Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Quang M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của bà T và ông M là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà T thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do ông M thường xuyên rượu chè, không tu chí làm ăn, mỗi lần nhậu say ông M lại la mắng, đánh đập vợ con. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà và ông M sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, cả hai không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét trong mỗi gia đình thì cả vợ chồng đều phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên do mâu thuẫn nên bà T và ông M không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến phải sống ly thân. Vì vậy nhận thấy tình trạng vợ chồng giữa bà T và ông M đã đến mức trầm trọng và đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần yêu cầu ông M tham gia buổi hòa giải và phiên tòa xét xử nhưng ông M vẫn vắng mặt. Điều đó cho thấy ông M không có thiện chí để hàn gắn quan hệ hôn nhân của chính mình. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở, nên được chấp nhận.

-Về con chung: Bà T và ông M có hai người con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 25-8-2005 và cháu Nguyễn Thị Anh N, sinh ngày 25-10-2009. Theo nguyện vọng của hai con, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến đủ 18 tuổi. Bà T tự nguyện không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Xét bà T là người có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu H và cháu N. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cả hai cháu đều sống với bà T, do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và nguyện vọng của hai cháu là được sống cùng mẹ. Ông M biết được yêu cầu của bà T về vấn đề con chung nhưng cũng không có ý kiến gì. Do vậy yêu cầu của bà T về việc được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung và cũng tránh làm xáo trộn cuộc sống của hai cháu nên cần chấp nhận yêu cầu này của bà T. Ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Còn đối với ông M thì sau khi nhận được thông báo thụ lý và trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng không có ý kiến, yêu cầu gì về vấn đề tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Quang M được ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 25-8-2005 và cháu Nguyễn Thị Anh N, sinh ngày 25-10-2009 đến khi cháu H và cháu N đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Quang M không phải cấp dưỡng nuôi con,

Ông M có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số TU/2020/0000570 ngày 28-4-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy bà T đã nộp xong án phí.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31-7-2020) đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn

15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THADS thành phố Bà Rịa;
- UBND phường P, thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Thị Thương